

Tên: .....

Lớp: S9...

Ngày làm bài: Thứ ....., ngày ...../.....



Đọc: .....

## GLOBAL ENGLISH 9

### UNIT 4: SCIENCE – GRAMMAR 1 & CHECK-POINT READING

#### CLASSWORK

##### A. TIPS

##### 🕒 BƯỚC 1: GẠCH CHÂN TỪ KHÓA (Underline keywords)

**Mục tiêu:** Nhìn rõ câu đang nói về nội dung gì.

**Ví dụ:** As a child, he \_\_\_\_\_ an interest in drawing, photography and cinema.

Câu đang nói về **sở thích/đam mê ban đầu** của Andy Warhol khi còn nhỏ: ông ấy có sự quan tâm đến nghệ thuật, gồm **vẽ, nhiếp ảnh, điện ảnh**.

##### 🕒 BƯỚC 2: ĐỌC LƯỚI & QUÉT THÔNG TIN (Skim & Scan)

**Skimming** = Đọc nhanh để hiểu ý chính của cả đoạn

**Scanning** = Nhìn kỹ những đoạn gần chỗ trống để tìm manh mối

**Ví dụ:** Đọc đoạn thông tin ở đầu, ta có thể thấy:

- **Skim:** Thông tin cho thấy Andy Warhol **hình thành đam mê nghệ thuật từ bé**.

- **Scan các đáp án:**

- **created** → “tạo ra” → sai, vì ông ấy không tạo ra “interest”.
- **grew** → “mọc/lớn lên” → sai về collocation (*grow an interest* không tự nhiên).
- **increased** → “tăng lên” → không hợp ngữ cảnh (không nói niềm quan tâm tăng, mà nói là hình thành).
- **developed** → “hình thành/phát triển” → đúng collocation: *develop an interest*.

##### B. PRE-READING

**Match the words/phrases with the correct definitions.**

|               |          |                                                                                              |
|---------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. repeated   | 1- _____ | a. a version of a work of art that is made to be the same as the original                    |
| 2. copy       | 2- _____ | b. begin to show or have a particular quality, skill, or interest gradually over time        |
| 3. quantity   | 3- _____ | c. occurring again and again in the same way, often to create an artistic or striking effect |
| 4. recognised | 4- _____ | d. feeling content because expectations or desires have been fulfilled                       |
| 5. develop    | 5- _____ | e. an amount or number of something that can be measured or counted, often large in scale    |
| 6. satisfied  | 6- _____ | f. accepted or officially acknowledged as being valid, important, or true                    |

## Part 1

## Questions 1–10

Read the text below, and for each number, circle the correct word on the next page.

**Artist Andy Warhol**

Andy Warhol was a US artist .....(0)..... was born in 1928. As a child, he .....(1)..... an interest in drawing, photography and cinema.

In 1959, Warhol moved to New York City. Over the next few years he became a successful artist, winning several prizes. ....(2)....., he wasn't satisfied with simply being successful, and wanted to do something new, so he started using repeated images of .....(3)..... objects in his pictures. ....(4)..... of his most famous pictures, of more than 200 soup cans, is .....(5)..... all over the world.

While not all artists are interested .....(6)..... making lots of money, Warhol wanted to be rich and famous. He opened a studio in New York City called 'The Factory'. He .....(7)..... amazing parties there, and it was very popular.

Many of Warhol's pictures were sold for huge .....(8)..... . But he also .....(9)..... hundreds of copies of his pictures, which meant more people could .....(10)..... to hang a 'Warhol' on their wall.

**Example:**

| 0  | who         | what       | which     | when       |
|----|-------------|------------|-----------|------------|
| 1  | created     | grew       | increased | developed  |
| 2  | However     | Although   | Despite   | Because    |
| 3  | likely      | common     | exact     | average    |
| 4  | Any         | Some       | One       | Other      |
| 5  | experienced | watched    | realised  | recognised |
| 6  | at          | of         | in        | with       |
| 7  | held        | made       | did       | included   |
| 8  | amounts     | quantities | totals    | numbers    |
| 9  | invented    | arranged   | produced  | improved   |
| 10 | spend       | afford     | earn      | buy        |

Tên: .....

Lớp: S9...

Ngày giao bài: Thứ ....., ngày ...../.....

Ngày nộp bài: Thứ ....., ngày ...../.....



Ngữ pháp: .....

Độc: .....

Mini Test: .....

## GLOBAL ENGLISH 9

### UNIT 4: SCIENCE – GRAMMAR 1 & CHECK-POINT READING

#### A. GRAMMAR

##### I. Present simple passive (Câu bị động thì hiện tại đơn)

|     |                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (+) | <b>S + am/is/are + V (P.P) + (by O).</b><br><i>E.g. The heavy boxes <b>are carried</b> by James.</i>                                                                                                               |
| (-) | <b>S + am/is/are + not + V (P.P) + (by O).</b><br><i>E.g. Global warming <b>isn't properly addressed</b> in the documentary.</i>                                                                                   |
| (?) | <b>Am/Is/Are + S + V (P.P) + (by O)?</b><br><i>E.g. <b>Is the dog walked</b> by Mr. James?</i><br><b>Wh-word + am/is/are + S + V (P.P) + (by O)?</b><br><i>E.g. <b>Where is the party held</b> by your friend?</i> |

##### II. Past simple passive (Câu bị động thì quá khứ đơn)

|     |                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (+) | <b>S + was/were + V (P.P) + (by O).</b><br><i>E.g. The mistakes <b>were corrected</b> by the teacher.</i>                                                                                                         |
| (-) | <b>S + was/were + not + V (P.P) + (by O).</b><br><i>E.g. The wallet <b>was not given</b> by him.</i>                                                                                                              |
| (?) | <b>Was/Were + S + V (P.P) + (by O)?</b><br><i>E.g. <b>Were all the candies sold</b> by the little boy?</i><br><b>Wh- word + was/were + S + V (P.P) + (by O)?</b><br><i>E.g. <b>When was the church built</b>?</i> |

##### III. Present perfect passive (Câu bị động thì hiện tại hoàn thành)

|     |                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (+) | <b>S + have/has + been + V (P.P) + (by O).</b><br><i>E.g. The letters <b>have been sent</b> by Tom.</i>                                                                                                                                            |
| (-) | <b>S + have/has + not + been + V (P.P) + (by O).</b><br><i>E.g. The project <b>has not been completed</b> by the team.</i>                                                                                                                         |
| (?) | <b>Have/Has + S + been + V (P.P) + (by O)?</b><br><i>E.g. <b>Has the package been delivered</b> by the courier?</i><br><b>Wh-word + have/has + S + been + V (P.P) + (by O)?</b><br><i>E.g. <b>Where have the keys been found</b> by the staff?</i> |

\*Note: S = chủ ngữ; V (P.P) = past participle: quá khứ phân từ; by O = by + đối tượng thực hiện hành động.

##### - Vị trí của trạng từ chỉ thời gian trong câu bị động

- Trạng từ chỉ thời gian (yesterday, last week, in 1999, already, yet, since, for...) thường đặt ở **cuối câu**.
- Nếu muốn nhấn mạnh thông tin về thời gian, có thể đặt ở đầu câu.
- Một số trạng từ đặc biệt (already, just, never, ever, yet) thì **đặt sau have/has** trong thì **Present Perfect Passive**.
- Nếu câu bị động có cụm "by + agent", thì trạng từ chỉ thời gian có thể đứng trước "by".

*E.g. The documents were signed last night by the director.*

*This novel was published in 1997 by a small local company.*

#### B. CLASSWORK

##### I. Fill in the blanks using the correct passive form.

0. The pizza **is delivered** / ~~was delivered~~ / **delivered** to the house an hour ago.

1. The exams **was marked** / **marked** / **are marked** by the teachers every Friday.

2. A new song **has been released** / **were released** / **was released** yesterday.

3. The conference **were not held / was not held / has not been held** last year due to the pandemic.
4. The letters **have sent / were sent / are sent** by the office every day.
5. The report **just finished / has just been finished / was just been finished** by the research team.

**II. Complete each second sentence using the word given, so that it has a similar meaning to the first sentence. Write between two and five words.**

0. They serve breakfast in the hotel restaurant until 10 a.m. every day. (*is*)  
→ Breakfast **is served in the** hotel restaurant until 10 a.m. every day.
1. They built the university library with donations from former students in 1975. (**was**)  
→ The university library \_\_\_\_\_ from former students in 1975.
2. They have already translated the novel into more than twenty languages worldwide. (**been**)  
→ The novel \_\_\_\_\_ into more than twenty languages worldwide.
3. Do they recycle glass bottles together with plastic ones in this city? (**recycled**)  
→ \_\_\_\_\_ with plastic ones in this city?
4. They didn't publish the results of the scientific research in any international journals last year. (**were**)  
→ The results of the scientific research \_\_\_\_\_ in any international journals last year.
5. They have recently restored several historical buildings near the central square. (**been**)  
→ Several historical buildings \_\_\_\_\_ near the central square.

**III. Change the following sentences into passive voice.**

0. Someone stole a painting from the museum during the night.  
→ **A painting was stolen from the museum during the night.**
1. People didn't record the meeting because the camera wasn't working.  
→ \_\_\_\_\_.
2. They didn't release the results of the research until last month.  
→ \_\_\_\_\_.
3. People use quarantine to control the spread of dangerous diseases.  
→ \_\_\_\_\_.
4. A flu pandemic killed millions of people between 1918 and 1920.  
→ \_\_\_\_\_.
5. Did they invite all the international guests to the opening ceremony  
→ \_\_\_\_\_?
6. Scientists have discovered new ways to reduce plastic waste in the oceans.  
→ \_\_\_\_\_.

## C. HOMEWORK

### GRAMMAR

#### I. Circle the correct answer.

0. The cake \_\_\_\_\_ by my sister yesterday.  
 (A) was baked      B. has been baked      C. is baked      D. were baked
1. The documents \_\_\_\_\_ to the manager last week.  
 A. have been sent      B. was sent      C. are sent      D. were sent
2. The new rules \_\_\_\_\_ by the company every year.  
 A. were introduced      B. have been introduced      C. are introduced      D. is introduced
3. The painting \_\_\_\_\_ after it was damaged in the fire.  
 A. have been restored      C. is restored  
 B. was restored      D. has restored
4. These machines \_\_\_\_\_ by the engineer every month.  
 A. was checked      B. are checked      C. is checked      D. have been checked
5. This article \_\_\_\_\_ yet.  
 A. weren't published      C. hasn't been published  
 B. haven't been published      D. was published

#### II. Complete the sentences with the correct form of the verbs in brackets.

0. How many newspapers **are printed** (print) in Britain every day?
1. Who \_\_\_\_\_ (this play / write) by? It was fantastic!
2. The royal wedding \_\_\_\_\_ (watch) by millions of people in 2011.
3. The Harry Potter films \_\_\_\_\_ (not direct) by Steven Spielberg.
4. Most children around the world \_\_\_\_\_ (vaccinate) against diseases.
5. A link \_\_\_\_\_ (discover) between polluted water and cholera back in the 20<sup>th</sup> century.

#### III. Answer the questions using your own ideas.

0. Where are endangered animals usually protected?  
 → They are usually protected in national parks or special reserves.
1. What important discoveries have been made in medicine recently?  
 → \_\_\_\_\_.
2. Where were the first photographs ever taken?  
 → \_\_\_\_\_.
3. How is plastic waste usually recycled in your country?  
 → \_\_\_\_\_.
4. Which famous books have been translated into many languages?  
 → \_\_\_\_\_.
5. What historical events were celebrated in your city last year?  
 → \_\_\_\_\_.

**Lưu ý:**

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

**Part 1****Questions 1 – 10**

Read the text below, and for each number, circle the correct word on the next page.

### Finding a lost city

For centuries, people have told stories of seeing the ruins of an **...(0)...** city in the rainforest of Honduras, Central America. However, until **...(1)...**, most people thought it was only a story.

Then, a few years ago, a group of scientists flew over the forest in a plane. They **...(2)...** see how humans had made changes to the **...(3)...**, which meant there had probably been a city there in the past. A team of people then **...(4)...** the forest on foot and **...(5)...** the discovery. As well as the ruins of many buildings, they found a large number of stone sculptures. They decided to leave everything in the forest, in **...(6)...** to protect it.

Experts now **...(7)...** that there are more 'lost' cities in the same **...(8)...** of rainforest.

They think these cities were once part of a **...(9)...** which we know almost nothing about – not **...(10)...** its name.

**Example:**

|   |         |          |         |         |
|---|---------|----------|---------|---------|
| 0 | ancient | original | antique | elderly |
|---|---------|----------|---------|---------|

---

|   |         |          |          |            |
|---|---------|----------|----------|------------|
| 1 | briefly | recently | actually | previously |
|---|---------|----------|----------|------------|

|   |        |       |      |       |
|---|--------|-------|------|-------|
| 2 | should | ought | must | could |
|---|--------|-------|------|-------|

|   |           |          |        |          |
|---|-----------|----------|--------|----------|
| 3 | landscape | district | nature | wildlife |
|---|-----------|----------|--------|----------|

|   |            |        |          |         |
|---|------------|--------|----------|---------|
| 4 | considered | hunted | explored | noticed |
|---|------------|--------|----------|---------|

|   |          |           |           |          |
|---|----------|-----------|-----------|----------|
| 5 | approved | supported | confirmed | accepted |
|---|----------|-----------|-----------|----------|

|   |      |         |      |       |
|---|------|---------|------|-------|
| 6 | fact | general | case | order |
|---|------|---------|------|-------|

|   |          |          |        |         |
|---|----------|----------|--------|---------|
| 7 | convince | persuade | wonder | believe |
|---|----------|----------|--------|---------|

|   |       |      |       |       |
|---|-------|------|-------|-------|
| 8 | block | area | field | space |
|---|-------|------|-------|-------|

|   |        |       |         |            |
|---|--------|-------|---------|------------|
| 9 | custom | habit | culture | background |
|---|--------|-------|---------|------------|

|    |      |      |      |     |
|----|------|------|------|-----|
| 10 | even | only | just | yet |
|----|------|------|------|-----|